

Số: 24/2026/QĐST-HNGĐ

Tuyên Quang, ngày 18 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 09/2026/TLST-HNGĐ ngày 26/01/2026, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Vừ Thị M, sinh năm 1991; dân tộc: Mông; nghề nghiệp: Giáo viên; số CCCD: 002191009860 do Cục C1 - BCA cấp ngày 15/5/2022; địa chỉ: Thôn C, xã M, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Anh Chu Đình T, sinh năm 1987; dân tộc: Tày; nghề nghiệp: Lao động tự do; số CCCD: 002087009158 do Cục C1 - BCA cấp ngày 08/9/2022; địa chỉ: Thôn C, xã M, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; 57; 59, 81; 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10/3/2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10/3/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vừ Thị M và anh Chu Đình T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Vừ Thị M và anh Chu Đình T nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao anh Chu Đình T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 03 cháu Chu Văn C, sinh ngày 09/3/2009; Chu Quốc V, sinh ngày 06/12/2011 và Chu Hải Y, sinh ngày 06/01/2015 cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Việc nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Vũ Thị M tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 150.000^đ (một trăm năm mươi nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000^đ (ba trăm nghìn đồng), chị M đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000186 ngày 26/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Trả lại cho chị M 150.000^đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chênh lệch.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND KV8, tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- UBND xã Mèo Vạc, tỉnh Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

Củng Trần Lương